TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 11-8-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quý
Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ
Ông Vũ Hồng Luyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2017/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc *"Ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2017/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: tổ M1, khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Chổ ở hiện nay: tổ M2, ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai
- *Bị đơn:* Ông Chu Minh T, sinh năm 1988
Địa chỉ: tổ M1, khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H
(Ông T, bà H - có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Minh T tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới sống chung vào năm 2012. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/5/2012. Chị H khai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T sống vô tâm, ích kỷ, có tính gia trưởng, không có trách nhiệm với gia đình, có những lời nói xúc phạm gia đình chị, giữa hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh T khai vợ chồng chung sống hạnh

phúc tháng 8/2016 thì có xích mích xảy ra nhưng cũng không trầm trọng. Nguyên nhân là do anh vì công tác nên ít có thời gian quan tâm, chia sẻ với chị H trong cuộc sống gia đình. Do đó cuộc sống chung thỉnh thoảng có cãi vã nhau nhưng việc cãi vã trên là không nghiêm trọng. Ngoài ra, khi anh và gia đình anh muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân này nhưng khi anh thăm nom, chăm sóc con chung thì chị H, gia đình luôn gây gỗ, chửi bới, xua đuổi, ngăn cản. Từ cuối năm 2016, anh chị sống ly thân nhau cho đến nay. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh T do tình cảm không còn. Anh T không đồng ý ly hôn vì cuộc sống hôn nhân của anh chị mới bắt đầu, các con chung còn nhỏ, cần sự quan tâm, yêu thương của bố mẹ, bản thân chị H mới sinh con nên tâm lý chưa ổn định.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là: Chu Nguyễn Lâm O, sinh ngày: 08/11/2013, Chu Quang H, sinh ngày: 28/10/2016. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị H. Nếu ly hôn chị H, anh T đồng ý giao cháu O cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H yêu cầu chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất diện tích 333m^2 tại thửa 112 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính thị trấn Tân Phú. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đã tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung nên ngày 24/02/2017 chị H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung. Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị H, anh T khai báo không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã Quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.
- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn với anh Chu Minh T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do yêu cầu ly hôn của chị H không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tài sản chung của chị Nguyễn Thị H do chị H đã rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 1.575.000đ (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005191 ngày 14/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

chuyển thành án phí 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng). Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/4/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H làm đơn kháng cáo hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/5/2012. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Nay chị H kháng cáo, tiếp tục yêu cầu được ly hôn với anh Chu Minh T nên Tòa án áp dụng Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh, chị có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Các biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú, nơi làm việc của chị H, anh T cho thấy trong cuộc sống hàng ngày anh chị có mâu thuẫn. Chị H cho rằng anh T là người sống không có trách nhiệm với vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Chu Minh T để mỗi người có cuộc sống riêng của mình. Tại Tòa án cấp sơ thẩm anh T không đồng ý ly hôn, muốn hòa giải đoàn tụ gia đình để các con có tình thương yêu của cả cha, mẹ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh T xác định không còn tình cảm gì với chị H, mâu thuẫn vợ chồng anh chị là không thể hòa giải, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự.

[3] Về con chung: Có 02 (hai) con chung là: Chu Nguyễn Lâm O, sinh ngày: 08/11/2013, Chu Quang H, sinh ngày: 28/10/2016. Tại phiên tòa chị H, anh T thỏa thuận; thống nhất ly hôn giao cháu O cho anh T, giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị H, anh T là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: tại Tòa án cấp sơ thẩm chị H đã rút đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Nợ chung chị H, anh T khai báo không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị H, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ - ST được cấn trừ vào số tiền 1.575.000đ (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 005191 ngày 14/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Do yêu cầu kháng cáo của chị H được chấp nhận, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên chị H không phải chịu án phí HNGĐ - PT, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo Biên lai thu số 005748 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được ly hôn với anh Chu Minh T và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Việc thuận tình ly hôn của chị H, anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Giao cháu Chu Nguyễn Lâm O, sinh ngày 08/11/2013 cho anh Chu Minh T nuôi dưỡng; giao cháu Chu Quang H, sinh ngày 28/10/2016 cho chị H nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của đại diệnViện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 82 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, sửa bản án sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H với anh Chu Minh T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H, anh T cụ thể như sau: Giao cháu Chu Nguyễn Lâm O, sinh ngày 08/11/2013 cho anh T, giao cháu Chu Quang H, sinh ngày 28/10/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H, ông Chu Minh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết chị H, anh T có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tài sản chung của chị Nguyễn Thị H

- Về nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ - ST được cấn trừ vào số tiền 1.575.000đ (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 005191 ngày 14/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Án phí HNGĐ - PT: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo Biên lai thu số 005748 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND huyện Tân Phú;
- VKS.ND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA.DS huyện Tân Phú;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Quý

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Sỹ **Vũ Hồng Luyến** **Lê Văn Quý**